

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 08/2018/DSST

Ngày 05/ 02 /2018

Vụ: Tranh chấp đòi tài sản giữa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy.

Đại diện Viện Kiểm sát: Bà Nguyễn Thị Yến , Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp đòi tài sản thụ lý số: 29/2015/TLST- DS ngày 29/12/2015, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX- DS ngày 04/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957;

Ông Trương Ngọc B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 62 đường H, khu 1, phường Đ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh ,
ông B ủy quyền cho bà T. (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1961;

Ông Bùi Bắc B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 341, đường H, khu 4, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Bùi Chí T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 341, đường H, khu 1, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(vắng mặt tại phiên tòa).

2- Ông Bùi Đắc Ch, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số nhà 70, đường Bắc Sơn, phường Đ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(vắng mặt tại phiên tòa).

3- Ông Ngô S, sinh năm 1940, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943.

Cùng địa chỉ: Số 172, khu 2, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vắng
mặt tại phiên tòa).

4- Cháu: Bùi Thanh T, sinh năm 1987, cháu Bùi P Anh, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số nhà 341, đường H, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc
Ninh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2014 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà T trình bày: Vào ngày 02/8/1992 vợ chồng bà có mua của ông Ngô S và bà Nguyễn Thị T, diện tích là 29,3 m² đất, sau khi vợ chồng bà chưa có nhu cầu ở trên mảnh đất đó, thì bị bà P, ông Bùi Bắc B chiếm giữ mảnh đất của bà tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 16, mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị T, vợ chồng bà đã nhiều lần đòi và yêu cầu bà P, ông B phải trả cho bà thửa đất trên xong bà P, ông B không trả.

Về nguồn gốc đất giữa bà và bà P và ông Bùi Bắc B đang có tranh chấp có diện tích là 19,2 m² là của HTX Hồng Hà, đến năm 1991 UBND phường Thị Cầu được phép thanh lý vì đất ở của gia đình ông Bùi Bắc B và bà P liền kề phần đất trên nên bà P, ông B được ưu tiên mua, cũng trong năm 1991 ông Bùi Bắc B và bà P đã nhượng lại phần đất trên cho vợ chồng ông S, bà T, năm 1992 do không có nhu cầu sử dụng ông S, bà T đã chuyển nhượng phần đất trên cho vợ chồng bà T, ông Trương Ngọc B với giá 3.000.000đ diện tích là 19,2 m², việc chuyển nhượng giữa vợ chồng bà và ông S, bà T đã có chứng thực UBND phường Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh (Nay là thành phố Bắc Ninh). Phần đất này có hình chữ nhật: chiều dài là 5,2 mét, chiều rộng là 3,7 mét. có tứ cận như sau: Phía Đông Nam giáp đường H dài 3,7 mét, Phía Tây Bắc giáp đất ông B, bà P dài 3,7 mét, Phía Tây Nam giáp ngõ đi dài 5,2 mét, Phía Đông Bắc giáp đất ông B bà P dài 5,2 mét. Khi mua bán với ông S, bà T thì trên phần đất chỉ có 03 tường xây lửng, sau này do chưa có nhu cầu sử dụng bà P đã tự ý sử dụng và lợp mai Broxi mặng lên tường lúc đó bà có ý kiến nhưng bà P nói không phải đất của bà nên bà P cứ sử dụng, bà có làm đơn lên UBND phường Thị Cầu để giải quyết. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà P ông Bùi Bắc B phải trả bà phần đất trên diện tích là 19,2m² tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 16.

Theo đơn khởi kiện thì ông bà yêu cầu vợ chồng bà P ông Bùi phải trả cho vợ chồng bà với diện tích là 29,3 m². Xong vào ngày 27/3/2017 bà T có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện. Cụ thể bà chỉ yêu cầu bà P, ông B phải trả cho bà diện tích là 19,2 m². tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 16, khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy nhượng bán nhà và tài sản giữa ông Bùi Bắc B, bà Phạm Thị P và ông Ngô S, bà Nguyễn Thị T (bản phô tô), Giấy nhượng bán nhà và tài sản giữa ông Ngô S, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B (bản phô tô), chứng minh thư nhân dân, hồ sơ kỹ thuật thửa đất, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất, thông báo số 27/TBKL ngày 29/3/2012 của UBND thành phố Bắc Ninh, giấy ủy quyền, 12 biên lai thu thuế nhà đất (bản phô tô), bà đã thực hiện việc gửi tài liệu cho bị đơn.

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn là bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B trình bày: Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp giữa ông, bà với bà T, ông B là do địa P thanh lý cho vợ chồng ông bà chứ không phải là đất của cha ông cụ kỵ để lại. Nay bà T, ông B khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả cho bà T, ông B là 29,3 m² đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 16 thuộc khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, thì ông bà không đồng ý mà chỉ đồng ý trả ông B, bà T diện tích là

19,2m2 theo như giấy chuyển nhượng đất giữa ông bà với ông S bà T vào năm 1991, và ông bà xin trả bằng tiền theo giá hiện tại chứ ông bà không đồng ý trả cho bà T, ông B bằng hiện vật. Bởi lẽ với diện tích như trên thì bà T ông B không thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng biệt được, vì đất của gia đình ông bà liền kề với diện tích đất đang có tranh chấp, do vậy khi bản án có hiệu lực pháp luật bản thân ông bà có thể làm giấy chứng nhận cùng vào phần đất của gia đình ông bà được.

Bị đơn là bà P, ông B cung cấp tài liệu gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 694757 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0.003568, giấy nhượng bán nhà và tài sản giữa bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B và ông Ngô S, bà Nguyễn Thị T lập ngày 04/01/1991 để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ông Ch, Ông T trình bày: Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp giữa bà P ông B và bà T ông B là đất được địa P thanh lý cho ông B bà P vì đất của gia đình ông liền kề với phần đất được địa P thanh lý về phía trước mặt đường H. sau đó bà P ông B chuyển nhượng như thế nào ông không biết. Nay việc tranh chấp giữa bà P ông B và bà T ông B như thế nào ông không biết. và nếu có liên quan ông sẽ ủy quyền toàn bộ cho bà P, ông B đứng ra giải quyết, ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử.

Ông S bà T trình bày: Vào tháng 1/1991 ông bà có mua 01 thửa đất của vợ chồng bà P ông B ở khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, thửa đất trên ông B bà P được UBND phường thanh lý giá thỏa thuận là 4.000.000đ nhưng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 2.000.000đ, khi mua bán có chứng thực của UBND phường Thị Cầu thửa đất trên có diện tích là 19,2 m2 còn cụ thể ông bà không nhớ rõ, hiện số lô, số thửa là bao nhiêu ông bà không nhớ. Đến cuối năm 1992 do không có nhu cầu sử dụng ông bà đã chuyển nhượng lại cho bà T, ông B ở khu 1, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh. Việc chuyển nhượng giữa hai bên có chứng thực của UBND phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh và đã thanh toán xong cho nhau. Nay bà T ông B khởi kiện ông B bà P ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông bà không có liên quan gì và xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án vì ông bà tuổi đã cao.

Cháu Bùi Thanh T, cháu Bùi P Anh trình bày: Trong vụ kiện đòi tài sản ở thửa đất số 67 cháu T và cháu P Anh đều ủy quyền lại cho bố mẹ là ông B, bà P giải quyết cháu T, P Anh không có liên quan gì đến vụ kiện trên.

Bà P ông B đã nhận được các tài liệu do bà T cung cấp không có ý kiến gì. Bà P cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy nhượng bán nhà và tài sản, bà đã thực hiện gửi cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng hai bên không hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đầy đủ, phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như chưa có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B.

Áp dụng điều 122, 183, 184, 256, 688, 689, 697, 699, 702 Bộ luật dân sự 2005.

Buộc bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B phải trả cho bà T, ông B 19,2m² đất tại khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B quản lý diện tích 10,1 m² đất .

Giao cho bà Nguyễn Thị T , ông Trương Ngọc B sử dụng 01 lán xây gạch khung sắt lợp pho xi măng.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trương Ngọc B phải trả cho bà P ông B số tiền 3.840.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Ngô S bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị P ông Bùi Bắc B vào tháng 01/1991 có việc chuyển nhượng quyền sử dụng với diện tích là 19,2 m² đất tại khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, và được chính quyền địa P chứng thực, sau khi mua bán xong ông S bà T do không có nhu cầu sử dụng nên vào năm 1992 ông S bà T chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị T ông Trương Ngọc B toàn bộ diện tích mà ông S, bà T đã mua của bà P ông Bình thủ tục chuyển nhượng giữa ông S bà T và bà T ông B cũng được chính quyền địa P chứng thực. Quá trình mua bán do bà T ông B chưa có nhu cầu sử dụng và xây dựng công trình trên đất, sau đó bà P, ông B đã tự ý làm ngôi nhà tạm tường cay, gạch lợp boloximang để chăn nuôi. Sau bà T ông B yêu cầu bà P ông B trả lại phần diện tích do ông bà đã mua lại của ông S bà T nhưng bà P ông B không trả. Bà T đã làm đơn gửi chính quyền địa P, sau bà T đã làm đơn khởi kiện đòi tài sản yêu cầu bà P ông B phải trả cho bà T diện tích 19,2m² đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 16 thuộc khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh để bà T sử dụng, bà T yêu cầu lấy bằng đất chứ bà không lấy bằng tiền.

Việc bà T có đơn khởi kiện đòi tài sản đối với bà Phạm Thị P và Bùi Bắc B thì thấy bản thân bà P, ông B trong quá trình làm việc tại Tòa án đều thừa nhận vào năm 1991 bà P ông B có chuyển nhượng cho ông S bà T diện tích 19,2m² đất là đúng, còn việc ông S bà T chuyển nhượng lại cho bà T ông B phần diện tích đất mà bà P ông B đã chuyển nhượng cho ông S bà T vào thời gian nào và bao nhiêu tiền bà P không biết. Nay bà T ông B yêu cầu bà P ông B phải trả cho bà T ông B diện tích là 19,2m² đất bà P ông B cũng đồng ý trả cho bà T ông B với diện tích như đơn khởi kiện của bà T ông B, xong bà P đề nghị được trả bằng tiền theo giá đất tại thời điểm xét xử, bà P không đồng ý trả cho bà T bằng đất bởi lẽ diện tích như trên thì bà T không thể làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, vì đất ở của gia đình bà P liền kề nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà P có thể làm giấy chứng nhận được.

Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp giữa bà T ông B và bà P, ông B cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khẳng định phần đất đó là vào năm 1991 chính quyền địa P thanh lý cho bà P ông B chứ không phải là đất của gia đình ông B để lại và thanh lý cho bà P ông B chứ không phải là thanh lý cho gia đình. Do vậy ông Bùi Kiềm không có quyền lợi liên quan gì trong vụ kiện trên vì ông Bùi Kiềm đi nước ngoài từ năm 1987, đến năm 1991 địa P mới thanh lý cho bà P, ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có đưa ông Bùi Kiềm vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy ông Bùi Kiềm không có quyền lợi liên quan gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa ông Bùi Đắc Ch và ông Bùi Chí T cùng cháu Bùi Thanh T và cháu Bùi P Anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xong trong quá trình làm việc tại Tòa án bà P, ông B, và bà T cùng ông Ch, ông T đều khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà T, ông B bà P ông B là do địa P thanh lý cho bà P ông B chứ không phải là đất của cha ông cụ kỵ ông B để lại. Tòa án cũng làm việc với UBND phường Thị Cầu, UBND phường cũng khẳng định là đất do UBND phường thanh lý cho bà P ông B. Do vậy Hội đồng xét xử thấy ông Ch, ông T không có quyền lợi liên quan gì đến việc tranh chấp kiện đòi tài sản giữa bà T, ông B bà P ông B. Riêng cháu T và P Anh các cháu đều có ý kiến cho rằng các cháu không có quyền lợi nghĩa vụ gì trong việc bà T, ông B kiện đòi tài sản, tài sản làm trên đất mà bố mẹ các cháu đã bán cho bà T, ông B các cháu không có đóng góp gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự thống nhất giải quyết vụ kiện, xong các bên đương sự chỉ thống nhất được đồng ý trả lại 19,2m² đất và trả bằng tiền một bên yêu cầu lấy bằng hiện vật. Do vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị P ông Bùi Bắc B phải trả cho bà T diện tích là 19,2m² đất tại thửa đất số 67 tờ bản đồ số 16 thuộc khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ, bởi lẽ: Tuy thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nguồn gốc là do UBND phường Thị Cầu thanh lý được phép chuyển nhượng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được xác lập hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa hợp đồng mua bán giữa các bên được xác lập bằng văn bản có chứng thực của UBND phường. Sau khi mua bán xong phía bị đơn là bà P, ông B không có ý kiến phản hồi mà để bà T, ông B nộp thuế sử dụng đất với nhà nước nhiều năm. Năm 1996 Sở tài nguyên môi trường, UBND phường Thị Cầu tiến hành đo vẽ bản đồ địa chính để cấp GCNQSDĐ thì bà P ông B không có ý kiến gì. Hơn nữa bà P ông B cũng đồng ý trả cho bà T ông B 19,2 m² đất nhưng được trả bằng tiền, do vậy đơn khởi kiện của bà T, ông B là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại biên bản thẩm định tháng 5/2017 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định Á Âu. giá 1m² đất là 17.360.000đ x 19,2m² = 333.312.000đ.

01 nhà lán gạch 19,2 m² x 1.000.000đ chất lượng còn lại 20% = 3.840.000đ. Tổng tài sản là 337.152.000đ.

Theo hợp đồng mua bán giữa các bên thì diện tích chuyển nhượng là 19,2 m² tuy nhiên diện tích thực tế của thửa đất là 29,3 m², về hình thể thửa đất không có gì thay đổi,

không có tranh chấp với các hộ liền kề về mốc giới (mảnh đất được ngăn cách với các hộ liền kề và ngõ xóm bằng 3 bức tường xây cay tồn tại từ trước đến nay vẫn còn), phía trước giáp với mặt tiền đường H theo xác minh, đo đạc không lấn vỉa hè. Vì vậy việc tăng diện tích của thửa đất là tăng tự nhiên không do lấn chiếm.

Tại biên bản làm việc ngày 23/11/2017, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh thì trong trường hợp bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B khởi kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 19,2m² với bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B tại đường H, khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là 19,2m² tại thửa số 67, tờ bản đồ 16, tại khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh.

Về chi phí thẩm định, định giá : Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến theo thẩm định, định giá theo yêu cầu của đương sự cụ thể là bà T là nguyên đơn có đơn đề nghị thẩm định, định giá tài sản và đã nộp cho Tòa án số tiền là 16.000.000đ để Tòa án chi phí cho việc thẩm định định giá tài có hóa đơn chứng từ kèm theo. Nay bà T, bà P đều thỏa thuận là bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định định giá tài sản.

Về án phí: theo quy định của pháp luật nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 122, 183, 184, 256, 688, 689. 697, 702 của Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 227, 228 , 235, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B.

Xử: Buộc bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B phải trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B 19,2 m² đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 16 tại số nhà 341 đường H, khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có các tứ cận phía Nam giáp đường H, phía Bắc giáp nhà bà P ông B, phía Đông giáp nhà bà P ông B, phía Tây giáp ngõ đi, sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Nguyễn Thị T , ông Trương Ngọc B sử dụng 01 lán xây gạch khung sắt lợp pho xi măng.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B phải trả cho bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B số tiền 3.840.000đ

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T, ông Trương Ngọc B quản lý 10,1 m² đất trong diện tích thửa đất số 67, tờ bản đồ số 16.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 16.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ).

- Về án phí: Bà Phạm Thị P, ông Bùi Bắc B phải chịu 16.857.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T 4.735.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2013/00340 ngày 22/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- CC THADS TP Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Trọng Thịnh